

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11- ĐỒNG NAI
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **08/2025/HSST**

Ngày: 25-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Uyên

Bà Trần Thị Thanh Miên

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 57/2025/TLST-HS ngày 25-6-2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/HSST ngày 09 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Mạnh D, sinh năm 1979, tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 4, thôn Thuận A, xã Thuận L, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 5/12; giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1954 và bà Lê Thị P, sinh năm: 1960; bị cáo có vợ tên Trần Thị M, sinh năm 1978 và 03 người con lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03-6-2025 đến nay “có mặt”.

*** Bị hại:** Ông Cao Xuân V, sinh năm 1994 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Quảng L, xã Kiến Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1975 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn 1, xã Nghĩa T, tỉnh Đồng Nai.

Ông Trương Quốc T, sinh năm 1984 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn 7, xã Nghĩa T, tỉnh Đồng Nai.

Bà Trần Thị M, sinh năm 1978 (Có mặt);

Địa chỉ: Tổ 4, thôn Thuận A, xã Thuận L, tỉnh Đồng Nai.

***Người làm chứng:** Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1990 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn 1, xã Nghĩa T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 23-6-2024, Nguyễn Mạnh D, điều khiển xe Mô tô, nhãn hiệu Honda, màu đen, số loại Wave (không biển số) từ phường Phước B, thị xã Phước L qua nhà người quen tại xã Đức L, huyện Bù Đ mục đích để đi chơi. Khi D đi đến khu vực bãi đất trống phía sau Trường THCS Trần P thuộc thôn Đồng T, xã Phước T, huyện Phú R thì phát hiện có một chiếc xe bồn trộn bê tông tự chế để tại đây và không có người trông coi nên nảy sinh chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài. D điều khiển xe Mô tô đi đến cơ sở thu mua phế liệu của anh Nguyễn Minh H, sinh năm: 1975 tại Thôn 1, xã Nghĩa T, huyện Bù Đ. D nói với anh H “D đang làm công trình tại xã Phước T, huyện Phú R có một chiếc xe bồn trộn bê tông không sử dụng được nữa nên muốn bán sắt vụn”, anh H đồng ý mua xe của D với giá 6.000đ/01kg sắt vụn. Sau khi thỏa thuận mua bán xong anh H gọi xe cẩu của anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm: 1990, HKTT: Thôn 1, xã Nghĩa T, huyện Bù Đ rồi cùng với D đi vào xã Phước T cẩu xe bồn trộn bê tông đem ra Trạm cân “Lữ Gia” ở thôn Bình T, xã Nghĩa B, huyện Bù Đ cân được 4,6 tấn phế liệu, anh H trừ 1,6 tấn xà bần (bê tông) dính trên xe, còn lại 03 tấn sắt vụn với số tiền 18.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Đến tháng 7/2024, bị hại Cao Xuân V đến thôn Đồng T, xã Phước T, huyện Phú R để cẩu xe trộn bê tông đi làm thì phát hiện bị mất nên đi đến các cơ sở thu mua xe cũ, phế liệu ở các khu vực lân cận để tìm thì phát hiện chiếc xe trộn bê tông của mình đang để tại Cơ sở thu mua phế liệu của Trương Quốc T, sinh năm: 1984 tại Thôn 7, xã Đức L, huyện Bù Đ nên đến Công an xã Phước T trình báo. Qua làm việc Trương Quốc T khai nhận xe này là mua lại của Nguyễn Minh H với giá 38.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 xe ô tô tự chế, không biển kiểm soát, xe gồm 4 bánh có 1 bồn trộn bê tông phía sau, nặng 4,4 tấn do Trương Quốc T giao nộp và 01 giấy bán xe, người bán là Nguyễn Mạnh D do Nguyễn Minh H giao nộp.

Tại kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐG ngày 30-8-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Phú R kết luận: Tại thời điểm ngày 23-6-2024 thì 01 xe trộn bê tông (xe tự chế, không có biển kiểm soát), xe có 04 bánh, khung

sườn bằng sắt có chở máy và bồn trộn bê tông bên trên, động cơ máy Hyundai trị giá 120.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 57/CTr-Vks ngày 24 tháng 6 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú R, tỉnh Bình Phước (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Đồng Nai) đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; các Điều 50,65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh D mức án tù 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù.

Ngoài ra còn xử lý về vật chứng của vụ án.

Bị cáo Nguyễn Mạnh D không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại; biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đó đã xác định được: Do lười lao động muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 11 giờ ngày 23-6-2024, Nguyễn Mạnh D lén lút chiếm đoạt của anh Cao Xuân V 01 xe trộn bê tông (xe tự chế, không có biển kiểm soát), xe có 04 bánh, khung sườn bằng sắt có chở máy và bồn trộn bê tông bên trên,

động cơ máy Hyundai có trị giá 120.000.000 đồng tại thôn Đồng T, xã Phước T, huyện Phú R (nay là thôn Đồng T, xã Phú T, tỉnh Đồng Nai).

Hành vi của bị cáo đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, hoang mang trong quần chúng nhân dân nơi bị cáo thực hiện việc phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật sẽ bị trừng trị nghiêm khắc nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo vẫn cố tình thực hiện tội phạm.

[4]. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho người mua; tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại; chưa có tiền án tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại các điểm b,s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, do đó xét không cần thiết phải cách ly bị cáo D để giáo dục mà chỉ cần tuyên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý tạo điều kiện cho bị cáo tự giáo dục bản thân trở thành công dân tốt cho xã hội là phù hợp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, áp dụng pháp luật và mức hình phạt là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Nguyễn Minh H là người mua xe của D sau đó bán lại cho Trương Quốc T, còn Nguyễn Hoàng T là người cầu xe. H, Trương và Trọng không biết đây là tài sản do D phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra bị hại ông Cao Xuân V đã nhận lại tài sản bị mất, Trần Thị M (vợ D) đã trả lại cho Nguyễn Minh H số tiền bán xe 18.000.000 đồng, H trả lại Trương Quốc T tiền bán xe 38.000.000 đồng nên ông Việt, ông H và ông Trương không yêu cầu gì thêm, bà Mai cũng không yêu cầu D trả lại cho bà số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Xử lý vật chứng:

- Đối 01 xe trộn bê tông (xe tự chế, không có biển kiểm soát), xe có 04 bánh, khung sườn bằng sắt có chở máy và bồn trộn bê tông bên trên, động cơ máy Hyundai. Quá trình điều tra chứng minh được đây là tài sản hợp pháp của bị hại Cao Xuân V nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Phước (nay là Công an tỉnh Đồng Nai) ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Việt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 giấy bán xe người bán Nguyễn Mạnh D đã được đánh số bút lục có tại hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tội danh, áp dụng pháp luật và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 173; các điểm b,s khoản 1,2 Điều 51; các Điều 50, 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh D 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án (25-7-2025).

Giao bị cáo Nguyễn Mạnh D cho Ủy ban nhân dân xã Thuận L, tỉnh Đồng Nai để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu không bị tạm giam về một tội khác.

[2]. Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3]. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo Nguyễn Mạnh D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

[4]. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11- Đồng Nai;
- Thị hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai
- Công an tỉnh Đồng Nai
- Phân trại tạm giam Phú Riềng- Trại tạm giam số 2- Công an tỉnh Đồng Nai
- Bị cáo; người tham gia tố tụng
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hảo